

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2024

V/v: “Ly hôn giữa chị L và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành
Ông Nguyễn Văn Hình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phương L, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương L trình bày: Chị và anh Lê Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 11/03/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì mâu thuẫn thường xuyên cãi vã bất hòa, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai vợ chồng đã cố gắng ngồi lại hòa giải với nhau nhưng không được. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng chị ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không

có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 hiện đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L muốn tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2024, bị đơn anh Lê Ngọc H trình bày: Anh và chị Phạm Thị Phương L kết hôn năm 2017 tại UBND xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2019 bất hòa, cãi vã không tìm được tiếng nói chung. Anh đi sớm về khuya không có thời gian nên chị L phải một một chăm sóc con và gia đình. Hai vợ chồng đã nhờ gia đình hòa giải và nói chuyện nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn quan điểm của anh là ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung: Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 hiện đang ở cùng chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Phương L. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 cho chị Phạm Thị Phương L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 11/03/2017; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh H nảy sinh mâu thuẫn; vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi vã không tìm được tiếng nói chung dù đã nhiều lần ngồi hòa giải và nói chuyện với nhau. Từ năm 2020 đến nay chị L và anh H ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh H nhất trí ly hôn chị Phạm Thị Phương L.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Phương L đối với anh Lê Ngọc H.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H có 01 con chung là Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 hiện đang ở cùng chị L. Xét điều kiện, H cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm B quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H đều có ý kiến: chị L sẽ tiếp tục nuôi cháu B, chị L yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Do vậy đề nghị của chị L, anh H là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn tiếp tục giao con chung Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 hiện cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Phương L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Phương L, anh Lê Ngọc H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương L và anh Lê Ngọc H

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên:* Giao con chung Lê Ngọc Gia B sinh ngày 21/8/2017 cho chị Phạm Thị Phương L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Phương L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004915 ngày 21/11/2023. Anh Lê Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị Phương L, anh Lê Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã T: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ